

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

(Kèm theo Công văn số /ĐHVN-ĐT ngày tháng năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo

- Tiếng Việt: Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Tiếng Anh: Vietnam Japan University, Vietnam National University, Hanoi (VNU Vietnam Japan University).

2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: VJU

3. Địa chỉ các trụ sở

Trường Đại học Việt Nhật tổ chức đào tạo tại hai cơ sở Mỹ Đình và Hòa Lạc. Sinh viên được ưu tiên bố trí chỗ ở kí túc xá tại Hòa Lạc theo quy định của Trường Đại học Việt Nhật và Đại học Quốc gia Hà Nội.

Địa chỉ cơ sở đào tạo:

- Cơ sở Mỹ Đình: Đường Lưu Hữu Phước, Từ Liêm, Hà Nội.
- Cơ sở Hòa Lạc: Khu QGHN-04 và Tòa nhà HT1, Khu đô thị Đại học Quốc gia, Hoà Lạc, Hà Nội.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử

- Trang chủ: <https://vju.ac.vn>
- Trang thông tin tuyển sinh: <https://vju.ac.vn/ttts2026/>
- Trang đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến: <https://tuyensinh.vju.ac.vn/>

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh

<https://vju.ac.vn/ttts2026/>
<https://vju.ac.vn/tuyensinhdaihoc/dieu-kien-dam-bao-chat-luong/>
<https://vju.ac.vn/dam-bao-chat-luong/thuc-hien-cong-khai-doi-voi-csgd-dai-hoc/dieu-kien-dam-bao-chat-luong/>

5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

- Điện thoại: (+84) 2473066001 (nhánh 1)
- Hotline: (+84) 966954736

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo

<https://vju.ac.vn/ttts2026/>
<https://vju.ac.vn/dam-bao-chat-luong/thuc-hien-cong-khai-doi-voi-csgd-dai-hoc/dieu-kien-dam-bao-chat-luong/>

<https://vju.ac.vn/trang-chu/dao-tao/dai-hoc/>

<https://vju.ac.vn/sinh-vien/khuon-vien-va-co-so-vat-chat-cua-vju/>

<https://vju.ac.vn/doi-ngu-can-bo/>

II. THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

1. Đối tượng, phạm vi và điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng dự tuyển

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Bộ GD&ĐT*) và của Đại học Quốc gia Hà Nội (*ĐHQGHN*), đối tượng tuyển sinh bao gồm:

+ Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của Việt Nam (*theo hình thức giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên*) hoặc đã tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài ở nước ngoài hoặc ở Việt Nam (*được chứng nhận đạt trình độ tương đương trình độ THPT của Việt Nam*);

+ Thí sinh tốt nghiệp trình độ trung cấp và đã hoàn thành đủ yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa THPT theo quy định của Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

1.2. Phạm vi tuyển sinh: Trường Đại học Việt Nhật tuyển sinh trên phạm vi toàn quốc và quốc tế.

1.3. Điều kiện dự tuyển

+ Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành. Đối với người khuyết tật có xác nhận của các cấp có thẩm quyền về tình trạng dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt và học tập thì Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh xem xét, quyết định.

+ Thí sinh có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

+ Thí sinh là người nước ngoài đáp ứng các quy định về quản lý và thu hút người nước ngoài học tập ở ĐHQGHN tại Quyết định số 5292/QĐ-ĐHQGHN ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN; quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam theo Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2018 của Bộ GD&ĐT.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

- Theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN (chi tiết tại mục 7).

2.2. Phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (*có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi*).

- Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

- Thang điểm xét: 30 điểm

- Thí sinh sử dụng các chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Nhật để đăng ký xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh đại học tại ĐHQGHN. Điểm xét bao gồm điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ và điểm 02 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển phù hợp với chương trình đào tạo đăng ký xét tuyển. Chi tiết tại Phụ lục I.

- Tổ hợp môn xét tuyển của các chương trình đào tạo: Chi tiết tại mục 3.5 và 3.6

Lưu ý: Thí sinh tốt nghiệp THPT trước năm 2026 đăng ký xét tuyển bằng phương thức điểm thi tốt nghiệp THPT phải thi lại các môn theo tổ hợp xét tuyển trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

2.3. Phương thức xét tuyển kết quả thi Đánh giá năng lực (HSA) cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2026.

Phương thức xét tuyển dựa vào kết quả thi HSA cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2026.

Thang điểm xét: thang điểm 30 sau quy đổi theo phương thức quy đổi của ĐHQGHN.

Các mã bài thi HSA hợp lệ cho các chương trình đào tạo như sau:

Tên chương trình đào tạo/ tên viết tắt	Q01	Q02	Q03	Q04	Q05	Q06	Q07	Q08	Q09	Q10	Q21
Nhật Bản học – BJS	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Khoa học & Kỹ thuật máy tính – BCSE	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản – EMJM	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe – EFTH	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Nông nghiệp thông minh và Bền vững – ESAS	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Kỹ thuật Xây dựng – ECE	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x
Đổi mới và Phát triển toàn cầu – BGDI	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn – ESCT	x	x	x								
Điều khiển thông minh và Tự động hóa – BICA	x	x	x	x	x	x	x	x	x		x

Danh sách chủ đề/lĩnh vực kiến thức theo các lựa chọn thi của thí sinh

STT	Phần 1	Phần 2	Phần 3	Mã lựa chọn	Môn thi/chủ đề/lĩnh vực
1.	Toán học và xử lý số liệu	Văn học Ngôn ngữ	Khoa học	Q01	Vật lí – Hóa học – Sinh học
2.				Q02	Vật lí – Hóa học – Lịch sử
3.				Q03	Vật lí – Hóa học – Địa lí
4.				Q04	Vật lí – Sinh học – Lịch sử
5.				Q05	Vật lí – Sinh học – Địa lí
6.				Q06	Hóa học – Sinh học – Lịch sử
7.				Q07	Hóa học – Sinh học – Địa lí
8.				Q08	Lịch sử - Địa lí – Vật lí
9.				Q09	Lịch sử - Địa lí – Hóa học
10.				Q10	Lịch sử - Địa lí – Sinh học
11.			Tiếng Anh	Q21	Tiếng Anh

2.4. Phương thức xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)

- Thí sinh sử dụng kết quả SAT để xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN năm 2026.

- Mã đăng ký của ĐHQGHN với tổ chức thi SAT (The College Board) là **7853-Vietnam National University-Hanoi** (*thí sinh khai báo mã đăng ký trên khi đăng ký thi SAT*).

2.5. Phương thức xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh

2.5.1. Điều kiện dự tuyển:

a. Đối với thí sinh thi tốt nghiệp THPT năm 2026 có đầy đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định:

- Học bạ THPT;
- Căn cước (*hai mặt*);
- Chứng chỉ ngoại ngữ, giải thưởng thành tích... (*nếu có*).

b. Đối với thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026.

- Có bằng tốt nghiệp THPT và Phiếu báo điểm thi tốt nghiệp THPT
- Đáp ứng ngưỡng đầu vào tối thiểu theo kết quả thi tốt nghiệp THPT của năm tốt nghiệp theo quy định của ĐHQGHN.

c. Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài:

- Có bằng tốt nghiệp THPT;
- Có điểm trung bình chung học tập GPA đạt từ 2.5/4.0 trở lên hoặc tương đương;
- Có lý lịch nhân thân rõ ràng, hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2.5.2. Thi, phỏng vấn:

Thí sinh thực hiện phỏng vấn và viết bài luận hoặc thi trắc nghiệm theo từng chương trình đào tạo được quy định thể như sau:

- **Thang điểm đánh giá: 100 điểm**

Thang điểm (<i>tối đa</i>)	Tên chương trình đào tạo				
	Kỹ thuật Xây dựng	Các chương trình đào tạo chất lượng cao còn lại của Khoa Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn	Đổi mới và Phát triển toàn cầu	Nhật Bản học
I. Điểm thưởng thành tích, Chứng chỉ ngoại ngữ... (<i>nếu có</i>)	10	10	10	10	10
II. Kiểm tra kiến thức chung					
Viết bài luận				30	20
Thi trắc nghiệm	30	30	30		
III. Phỏng vấn					
Năng lực tư duy	40	25			
Năng lực tư duy toán học			30		
Hiểu biết về phát triển bền vững				15	
Hiểu biết về Nhật Bản					30

Thang điểm (tối đa)	Tên chương trình đào tạo				
	Kỹ thuật Xây dựng	Các chương trình đào tạo chất lượng cao còn lại của Khoa Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn	Đổi mới và Phát triển toàn cầu	Nhật Bản học
Động lực học tập	20	15	10	20	10
Năng lực ngoại ngữ		20	20	25	30
Tổng	100	100	100	100	100

*** Tổ hợp môn trong phần thi trắc nghiệm:**

TT	Chương trình đào tạo	Năng lực tư duy tự nhiên					
		Bắt buộc	Tự chọn (TC) một trong các môn sau				Bắt buộc
			Toán học	Vật lý	Hóa học	Sinh học	
1	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn (ESCT)	x	TC	TC			
2	Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe (EFTH)	x	TC	TC	TC	TC	x
3	Nông nghiệp thông minh và Bền vững (ESAS)	x	TC	TC	TC	TC	x
4	Khoa học và kỹ thuật máy tính (BCSE)	x	TC	TC			x
5	Kỹ thuật Xây dựng (ECE)	x	TC	TC			x
6	Điều khiển thông minh và Tự động hóa (BICA)	x	TC	TC			x

Chương trình đào tạo Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản KHÔNG xét tuyển bằng phương thức phỏng vấn, đánh giá thí sinh.

Với chương trình đào tạo Đổi mới và phát triển toàn cầu (ngành Quốc tế học) thí sinh thực hiện phỏng vấn và viết bài luận bằng tiếng Anh. Các chương trình đào tạo còn lại thí sinh thực hiện phỏng vấn bằng tiếng Việt.

Lưu ý: Thí sinh đã tham gia các phương thức xét tuyển riêng của Trường Đại học Việt Nhật vẫn cần phải đăng ký nguyện vọng vào các CTĐT đã ứng tuyển trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy tắc quy đổi tương đương.

3.1.1. Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

Điểm xét = Môn 1 + Môn 2 + Môn 3 + Điểm UT (ĐT, KV). (Chi tiết tại mục: 3.3.2. Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.)

3.1.2. Xét tuyển kết quả thi Đánh giá năng lực (HSA) cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2026.

- Quy đổi theo thang điểm của Viện Đào tạo số & Khảo thí (ĐHQGHN)

- Thí sinh có thể vào đường link sau đây để tra cứu phân vị và thứ hạng điểm của

bài thi HSA 2026: <https://quydoi.hsa.edu.vn> hoặc <https://quydoi-hsa.vnu.edu.vn>.

3.1.3. Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)

- Nguyên tắc: Quy đổi kết quả SAT sang thang điểm 30 để xác định ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển. Thông tin cụ thể sẽ thông báo sau khi có kết quả thi THPT năm 2026. Tham khảo mức điểm quy đổi của năm 2025.

TT	Mức điểm SAT	Mức điểm thi THPT tương ứng	Công thức quy đổi
1	1,100 - 1,160	22.98 - 23.62	$y = 0.010667*x + 11.246667$
2	1,160 - 1,250	23.62 - 24.50	$y = 0.009778*x + 12.277778$
3	1,250 - 1,340	24.50 - 25.35	$y = 0.009444*x + 12.694444$
4	1,340 - 1,430	25.35 - 26.03	$y = 0.007556*x + 15.225556$
5	1,430 - 1,550	26.03 - 28.52	$y = 0.02075*x - 3.6425$
6	1,550 - 1,600	28.52 - 30.00	$y = 0.0296*x - 17.36$

Ghi chú:

- x là điểm SAT; y là điểm sau khi quy đổi tương đương sang thang điểm 30 của kỳ thi tốt nghiệp THPT;

- Điểm quy đổi chưa bao gồm điểm ưu tiên khu vực và đối tượng.

3.1.4. Xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh

- Nguyên tắc: Xây dựng khoảng điểm dựa trên phương pháp đối chiếu bách phân vị giữa điểm thi THPT với điểm phỏng vấn, đánh giá thí sinh.

Tham khảo mức điểm quy đổi của năm 2025

TT	Mức điểm theo phương thức phỏng vấn, đánh giá thí sinh	Mức điểm THPT tương ứng	Công thức quy đổi
1	60 - 65	18.35 - 19.00	$y = 0.13*x + 10.55$
2	65 - 70	19.00 - 20.25	$y = 0.25*x + 2.75$
3	70 - 80	20.25 - 23.25	$y = 0.3*x - 0.75$
4	80 - 90	23.25 - 26.50	$y = 0.325*x - 2.75$
5	90 - 95	26.50 - 28.01	$y = 0.3027*x - 0.7448$
6	95 - 100	28.01 - 30.00	$y = 0.39728*x - 9.7280$

Ghi chú:

- x là điểm xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh; y là điểm sau khi quy đổi tương đương sang thang điểm 30 của kỳ thi tốt nghiệp THPT;
- Điểm quy đổi chưa bao gồm điểm ưu tiên đối tượng và khu vực.

3.2. Ngưỡng đầu vào

a. Đối với thí sinh là người nước ngoài theo học chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt trình độ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở do Bộ GD&ĐT cấp phép. Không áp dụng với thí sinh người nước ngoài xét tuyển vào chương trình đào tạo Đổi mới và phát triển toàn cầu vì đây là chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

b. Đối với thí sinh tham gia chương trình “Phát triển nguồn nhân lực ngành công nghiệp bán dẫn đến năm 2030, định hướng đến năm 2050” theo Quyết định số 1017/QĐ-TTg ngày 21/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ, cần đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ GD&ĐT; Quyết định 2101/QĐ-BGDĐT ngày 22/07/2025 sửa đổi Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục; và theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

c. Điều kiện ngoại ngữ đầu vào áp dụng cho các phương thức xét tuyển (ngoại trừ phương thức xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT).

STT	Chương trình đào tạo	Điều kiện đảm bảo chất lượng ngoại ngữ (đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây)		
		Điểm trung bình chung môn ngoại ngữ 3 năm của cấp THPT	Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế	Kết quả môn ngoại ngữ trong kì thi tốt nghiệp THPT
1	Nhật Bản học (BJS)	Từ 7.0 (tiếng Anh/ tiếng Nhật)	IELTS từ 4.5/ JLPT N3 hoặc tương đương (Chi tiết tại Phụ lục I)	Từ 5.0 (tiếng Anh/ tiếng Nhật)
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính (BCSE)			
3	Nông nghiệp thông minh và Bền vững (ESAS)			
4	Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe (EFTH)			
5	Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản (EMJM)			
6	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn (ESCT)			
7	Điều khiển thông minh và Tự động hóa (BICA)			
8	Đổi mới và Phát triển toàn cầu (BGDI)	Từ 7.5 (tiếng Anh)	IELTS từ 4.5 hoặc tương đương (Chi tiết tại Phụ lục I)	Từ 6.5 (tiếng Anh)
9	Kỹ thuật Xây dựng (ECE)	Không áp dụng điều kiện ngoại ngữ đầu vào		

Lưu ý: Thí sinh không sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ thi trực tuyến để đăng ký xét tuyển.

Ngoài ra, thí sinh cần đáp ứng các điều kiện đối với từng phương thức xét tuyển, cụ thể như sau:

3.2.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đại học Quốc gia Hà Nội (*Chi tiết tại mục 7*).

3.2.2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

- Theo thông báo về ngưỡng đầu vào của ĐHQGHN và Trường Đại học Việt Nhật sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

- Phương thức tuyển sinh dựa trên kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT bắt buộc phải có môn Toán hoặc Ngữ văn với trọng số tính điểm xét của môn Toán hoặc môn Ngữ văn tối thiểu 1/3 và đáp ứng một trong những yêu cầu sau:

a) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo;

b) Tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT có dùng chứng chỉ ngoại ngữ (*chứng chỉ ngoại ngữ áp dụng miễn thi tốt nghiệp THPT theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành*), quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ.

3.2.3. Xét tuyển kết quả thi Đánh giá năng lực (HSA) học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức năm 2026

- Điểm quy đổi đạt ngưỡng đầu vào theo quy định của ĐHQGHN.

3.2.4. Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)

- Điều kiện đảm bảo ngưỡng đầu vào kết quả kỳ thi SAT đạt tối thiểu **1100/1600 điểm**.

3.2.5. Xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh

* *Tiêu chí đánh giá và ngưỡng điểm xét tuyển*

- Thí sinh trúng tuyển nếu đáp ứng tất cả điều kiện sau đây:

+ Có thứ tự nguyện vọng cao nhất khi đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên Hệ thống của Bộ GD&ĐT vào chương trình đào tạo tương ứng tại Trường Đại học Việt Nhật và đạt điểm từ mức điểm chuẩn trở lên (sau khi quy đổi theo thang điểm 30).

+ Thí sinh có bằng tốt nghiệp của nước ngoài: Phải có điểm trung bình chung học tập (GPA) bậc THPT đạt từ 2.5/4.0 trở lên và có lý lịch nhân thân rõ ràng, hợp pháp theo quy định của pháp luật.

+ Thí sinh đã tốt nghiệp THPT trước năm 2026 phải đáp ứng ngưỡng đầu vào tối thiểu theo kết quả thi tốt nghiệp THPT của năm tốt nghiệp theo quy định của ĐHQGHN.

+ Thí sinh thi tốt nghiệp THPT năm 2026 phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng (*điểm sàn*) theo quy định của ĐHQGHN.

+ Đạt điều kiện ngoại ngữ theo quy định đối với chương trình đào tạo chất lượng cao.

Chương trình đào tạo Kỹ thuật Xây dựng KHÔNG áp dụng điều kiện ngoại ngữ đầu vào.

3.3. Điểm trúng tuyển

3.3.1. Điểm quy đổi của các phương thức xét tuyển theo thang điểm 30

- Điểm quy đổi (gọi tắt là ĐQĐ) của các phương thức xét tuyển theo thang điểm 30 dùng làm căn cứ xếp loại kết quả đầu vào và xét học bổng của thí sinh;

- Công thức tính ĐQĐ theo từng phương thức sẽ cập nhật sau khi có kết quả kỳ thi Tốt nghiệp THPT 2026 và theo quy định của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN.

3.3.2. Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm dưới 22.5 được tính tối đa mức điểm ưu tiên (nếu có) theo quy định của Bộ GD&ĐT;

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (sau quy đổi và tổng điểm tối đa là 30) được xác định theo quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN:

$$\text{Điểm UT} = \frac{(30 - \text{Tổng điểm đạt được})}{7.5} * \text{Mức điểm UT theo quy định của Bộ GD\&ĐT}$$

- Điểm ưu tiên khu vực, đối tượng sẽ được cộng vào tổng điểm của thí sinh sau khi đã cộng điểm thưởng/ điểm khuyến khích (nếu có).

3.3.3. Độ chênh lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp.

Theo phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, không có độ chênh lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp.

3.4. Phương thức tuyển sinh và mã phương thức tuyển sinh

TT	Phương thức xét tuyển	Mã phương thức xét tuyển
1.	Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	301
2.	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi)	100
3.	Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT (HSA) do ĐHQGHN tổ chức năm 2026	401
4.	Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, US)	415
5.	Xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh	501

3.5. Tổ hợp môn xét tuyển theo phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo/tên viết tắt	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
VJU1	Nhật Bản học - BJS	7310613	C00, D01, D06, D11, D53, D14, D63, D15, D43, X78, X98
VJU2	Khoa học & Kỹ thuật máy tính – BCSE	7480204	A00, A01, D28, C01, C02, D01, D06, D07, D23
VJU3	Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản –	7520114	A00, A01, D28, C01, C02, D01, D06, D07, D23

Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo/tên viết tắt	Mã ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển
	EMJM		
VJU4	Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe – EFTH	7540118Q TD	A00, A01, D28, B00, C02, D01, D06, D07, D23, D08, D33
VJU5	Nông nghiệp thông minh và Bền vững – ESAS	7620122Q TD	A00, A01, D28, B00, C02, D01, D06, D07, D23, D08, D33, D10, D18
VJU6	Kỹ thuật Xây dựng – ECE	7580201	A00, A01, D28, C01, C02, D01, D06, D07, D23
VJU7	Đổi mới và Phát triển toàn cầu – BGDI	7310601	D01, D11, D12, D14, D15, X78
VJU8	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn – ESCT	7510301	A00, A01, D28, A02, C01, C02, D07, D23
VJU9	Điều khiển thông minh và Tự động hóa – BICA	7520216	A00, A01, D28, C01, C02, D01, D06, D07, D23

3.6. Tổ hợp môn xét tuyển theo mã tổ hợp

STT	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp	STT	Mã tổ hợp	Tên tổ hợp
1.	A00	Toán, Vật lý, Hóa học	14.	D14	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh
2.	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh	15.	D15	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh
3.	B00	Toán, Hóa học, Sinh học	16.	D18	Toán, Địa lý, Tiếng Nhật
4.	C00	Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý	17.	D23	Toán, Hóa học, Tiếng Nhật
5.	C01	Toán, Ngữ văn, Vật lý	18.	D28	Toán, Vật lý, Tiếng Nhật
6.	C02	Ngữ văn, Toán, Hóa học	19.	D33	Toán, Sinh học, Tiếng Nhật
7.	D01	Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh	20.	D43	Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Nhật
8.	D06	Toán, Ngữ văn, Tiếng Nhật	21.	D53	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Nhật
9.	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh	22.	D63	Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Nhật
10.	D08	Toán, Sinh học, Tiếng Anh	23.	X70	Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
11.	D10	Toán, Địa lý, Tiếng Anh	24.	X74	Ngữ văn, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
12.	D11	Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh	25.	X78	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh
13.	D12	Ngữ văn, Hóa học, Tiếng Anh	26.	X98	Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Nhật

4. Số lượng tuyển sinh năm 2026

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành ⁵	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành ⁶	Số lượng tuyển sinh (750)	Phương thức tuyển sinh
1.	VJU1	Nhật Bản học BJS	7310613	Khoa học xã hội và hành vi	120	1. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT 2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi) 3. Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT (HSA) do ĐHQGHN tổ chức năm 2026 4. Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, US) 5. Xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh
2.	VJU2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính BCSE	7480204	Máy tính và công nghệ thông tin	150	
3.	VJU3	Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản EMJM	7520114	Kỹ thuật	55	1. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT 2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi) 3. Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT (HSA) do ĐHQGHN tổ chức năm 2026 4. Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, US)
4.	VJU4	Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe EFTH	7540118QTD	Sản xuất và chế biến	55	1. Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT 2. Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi) 3. Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT (HSA) do ĐHQGHN tổ chức năm 2026 4. Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, US) 5. Xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh
5.	VJU5	Nông nghiệp thông minh và Bền vững ESAS	7620122QTD	Nông lâm nghiệp và thủy sản	20	
6.	VJU6	Kỹ thuật Xây dựng ECE	7580201	Kiến trúc và xây dựng	50	
7.	VJU 7	Đổi mới và Phát triển toàn cầu BGDI	7310601	Khoa học xã hội và hành vi	100	
8.	VJU 8	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn ESCT	7510301	Công nghệ kỹ thuật	100	
9.	VJU 9	Điều khiển thông minh và Tự động hóa BICA	7520216	Kỹ thuật	100	

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào đơn vị đào tạo

a. Trường Đại học Việt Nhật không áp dụng thêm tiêu chí phụ ngoài các quy định tại Quy chế tuyển sinh hiện hành và hướng dẫn về xét tuyển, lọc ảo của Bộ GD&ĐT.

b. Đối với thí sinh có điểm xét tuyển bằng nhau ở cuối danh sách và vượt quá chỉ tiêu, ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng cao hơn.

c. Điểm cộng: theo quy định của Bộ GD&ĐT, ĐHQGHN.

d. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo: không có

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT theo Kế hoạch của Bộ GD&ĐT.

6.2. Thí sinh đăng ký phương thức xét tuyển riêng trên Cổng xét tuyển của Trường Đại học Việt Nhật tại địa chỉ: <https://tuyensinh.vju.ac.vn> cụ thể như sau:

TT	Phương thức xét tuyển	Hạn đăng ký trực tuyến	Công bố kết quả; Cập nhật lên Hệ thống của Bộ GD&ĐT
1	Xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quy đổi)	Theo Kế hoạch của Bộ GD&ĐT	
2	Xét tuyển thẳng	Hết ngày 13/06/2026	Theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT
3	Xét tuyển kết quả thi HSA học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức		Theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT
4	Xét kết quả kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ);		Theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT
5	Xét tuyển phỏng vấn, đánh giá thí sinh		Theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT

Thời gian tổ chức xét tuyển của phương thức phỏng vấn, đánh giá thí sinh:

Đợt tuyển sinh	Hạn nộp hồ sơ	Ngày phỏng vấn
Phỏng vấn, đánh giá thí sinh – đợt 1	Từ ngày 01/01/2026 đến ngày 21/02/2026	Ngày 01/03/2026 (Chủ Nhật)
Phỏng vấn, đánh giá thí sinh – đợt 2	Từ ngày 22/02/2026 đến ngày 27/03/2026	Ngày 05/04/2026 (Chủ Nhật)
Phỏng vấn, đánh giá thí sinh – đợt 3	Từ ngày 28/03/2026 đến ngày 10/05/2026 (Ngày Bản học đến ngày 07/05/2026)	Ngày 17/05/2026 (Chủ Nhật)
Phỏng vấn, đánh giá thí sinh – đợt 4 (nếu có)	Từ ngày 11/05/2026 đến ngày 13/06/2026	Ngày 16/06/2026 (Thứ Ba, dự kiến)

Lưu ý: - Thí sinh đã tham gia các phương thức xét tuyển riêng của Trường vẫn phải đăng ký nguyện vọng trên cổng thông tin của Bộ GD&ĐT.

- Thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin khai báo trên Cổng xét tuyển của Trường Đại học Việt Nhật. Nếu sai sót, thí sinh sẽ bị HỦY kết quả và bị xử lý theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT và của ĐHQGHN.

6.3 Thủ tục hồ sơ

- Thí sinh đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://tuyensinh.vju.ac.vn/> các phương thức xét tuyển quy định tại mục 6.2

- Đối với chứng chỉ quốc tế SAT; các chứng chỉ ngoại ngữ có hạn sử dụng trong khoảng thời gian 02 năm tính từ ngày dự thi đến thời điểm xét tuyển.

- Đối với các giải thưởng (xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển) cần đáp ứng: Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

- Ngoài các điều kiện nêu trên, Trường quy định điều kiện nhận hồ sơ chi tiết đối với mỗi phương thức xét tuyển. Chi tiết tại Phụ lục III.

- Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT hoặc trình độ tương đương do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp được xét tuyển vào học khi văn bằng được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

- Đối với thí sinh là người nước ngoài cần phải có chứng chỉ tiếng Việt trình độ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở do Bộ GD&ĐT cấp phép (*không áp dụng với thí sinh người nước ngoài xét tuyển vào chương trình đào tạo Đổi mới và phát triển toàn cầu vì đây là chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh*)

6.4 Nguyên tắc xét tuyển

- Trường Đại học Việt Nhật công bố trúng tuyển chính thức theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT;

- Trường Đại học Việt Nhật xét tuyển các nguyện vọng thí sinh đã đăng ký theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ cho từng chương trình đào tạo;

- Điểm xét tuyển của phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo thang điểm 30. Không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển;

- Thí sinh xét tuyển bằng các phương thức xét tuyển riêng của Trường Đại học Việt Nhật phải đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT theo kế hoạch.

7. Chính sách ưu tiên.

7.1. Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển các đối tượng được quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và ĐHQGHN:

7.2. Học sinh THPT trên toàn quốc được ưu tiên xét tuyển (công điểm) vào bậc đại học tại ĐHQGHN theo chương trình, ngành đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đạt giải (*môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển hoặc môn đạt giải phù hợp với chương trình, ngành đào tạo*) nếu tốt nghiệp THPT, có kết quả học tập cả 3 năm cấp THPT được đánh giá mức tốt (*học lực xếp loại giỏi trở lên*) và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- a) Đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;
- b) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi (HSG) bậc THPT cấp ĐHQGHN;
- c) Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

7.3. Cộng điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích.

a. Đối với các thí sinh quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2026 (*thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi quốc gia, quốc tế*) dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền xét tuyển thẳng được cộng điểm như sau:

- Giải nhất HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **3.0** điểm;
- Giải nhì HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.5** điểm;
- Giải ba HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **2.0** điểm.

b. Đối với các thí sinh quy định tại *khoản 3 Điều 8, điểm b khoản 5 Điều 8 Quy chế này* được ưu tiên xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp, được cộng điểm như sau:

- Giải khuyến khích HSG quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **1.5** điểm.
- Giải nhất cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **1.5** điểm;
- Giải nhì cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **1.0** điểm;
- Giải ba cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia: được cộng **0.5** điểm.

c. Đối với các thí sinh đạt giải HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, đạt giải Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương được ưu tiên xét tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp, được cộng điểm như sau:

- Giải nhất (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.5** điểm;
- Giải nhì (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **1.0** điểm;
- Giải ba (HSG bậc THPT cấp ĐHQGHN, Olympic bậc THPT của ĐHQGHN, HSG cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương): được cộng **0.5** điểm.

- Lưu ý: - Thời gian đạt giải của các kỳ thi trên không quá 3 năm tính đến thời điểm xét tuyển thẳng/ưu tiên xét tuyển;

- Thí sinh phải cung cấp thông tin, minh chứng về các giải thưởng, nội dung đề tài đạt giải của cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế thí sinh đã đạt được và dùng để xét tuyển.

7.4. Ưu tiên theo khu vực thực hiện theo đơn vị hành chính do cấp có thẩm quyền quy định chi tiết tại Phụ lục IV:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0.75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0.50 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0.25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp, trung học nghề) và một năm kế tiếp.

7.5. Ưu tiên theo đối tượng chính sách theo quy định chi tiết tại Phụ lục V:

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2.00 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1.00 điểm;

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại điểm a và điểm b khoản này chỉ được hưởng một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.6. Các mức điểm ưu tiên được quy định trong Điều này tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh

8.1. Lệ phí

- Lệ phí đăng ký phương thức phỏng vấn, đánh giá thí sinh: **580,000 đồng/1 ngành/1 lần đăng ký/1 thí sinh.**

- Lệ phí đăng ký phương thức xét tuyển khác: **30,000 đồng/1 lần đăng ký/1 thí sinh.**

- Lệ phí theo phương thức xét tuyển kết quả thi THPT năm 2026: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

8.2. Học phí

TT	Chương trình đào tạo	Học phí/năm
1	Nhật Bản học - BJS	58.000.000/năm
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính - BCSE	
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản) - EMJM	

TT	Chương trình đào tạo	Học phí/năm
4	Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe - EFTH	
5	Nông nghiệp thông minh và Bền vững - ESAS	
6	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn - ESCT	
7	Điều khiển thông minh và Tự động hóa - BICA	
8	Đổi mới và Phát triển toàn cầu - BGDI	
9	Kỹ thuật Xây dựng - ECE	35.000.000/năm

- Trường cam kết không tăng học phí trong toàn khóa học nếu sinh viên hoàn thành đúng kế hoạch đào tạo chuẩn. Học phí được thu theo đợt, mỗi năm có hai đợt.

- Học phí chưa bao gồm lệ phí tuyển sinh, nhập học, phí học lại, học cải thiện điểm và phí của các dịch vụ gia tăng khác hoặc sinh viên không hoàn thành đúng kế hoạch đào tạo.

8.3. Học bổng

Trường dành tối thiểu 8% từ nguồn thu học phí hàng năm để cấp học bổng khuyến khích học tập. Các sinh viên đạt kết quả đầu vào và thành tích học tập xuất sắc theo từng học kỳ được nhận học bổng, chiếm khoảng 20% tổng số sinh viên của từng khóa. Ngoài ra Trường còn có các loại học bổng do các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân Nhật Bản và Việt Nam tài trợ theo từng học kỳ như học bổng Yamamoto, Furyo, Deha, Pasona Tech, BIDV, học bổng Hiệu trưởng... Bên cạnh đó, sinh viên Trường Đại học Việt Nhật còn được đăng ký nhận các loại học bổng có giá trị cao do ĐHQGHN quản lý như học bổng Kumho Asiana, Mitsubishi, Yamada, Posco, Annex, ADF, Nitori, Đình Thiện Lý, K-T, Vingroup, Tháp sáng niềm tin...

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro theo pháp luật hiện hành của Nhà nước, theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, của ĐHQGHN và của Trường Đại học Việt Nhật.

10. Các nội dung khác

10.1. Trường Đại học Việt Nhật đạt chuẩn chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn Nhật Bản.

Ngày 27/5/2025 Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội chính thức đạt chứng nhận kiểm định chất lượng quốc tế iJAS từ Hiệp hội Kiểm định các Trường Đại học Nhật Bản (JUAA) mở ra một chương mới trong việc khẳng định vị thế và chất lượng đào tạo trên trường quốc tế.

iJAS (International Japanese Accreditation System) là bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục được phát triển bởi các tổ chức kiểm định uy tín hàng đầu tại châu Á, bao gồm JUAA (Nhật Bản), TWAEA (Đài Loan), ONESQA (Thái Lan) và MNCEA (Mông Cổ). Hệ thống kiểm định này được quốc tế công nhận và đánh giá khắt khe, toàn diện các yếu tố liên quan đến chất lượng đào tạo, quản trị và môi trường học thuật của các cơ sở giáo dục.

Chứng nhận kiểm định iJAS là một dấu mốc quan trọng trong hành trình phát triển của Trường Đại học Việt Nhật. Nó không chỉ khẳng định năng lực học thuật của nhà trường mà còn minh chứng cho hệ thống quản trị hiệu quả và cam kết không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy. Việc đạt chuẩn kiểm định quốc tế iJAS là bước đi vững chắc khẳng định tầm nhìn của VJU trong việc trở thành một trường đại học chuẩn quốc tế, mang đến môi trường học tập, nghiên cứu và phát triển toàn diện cho sinh viên. Nhà trường tiếp tục nỗ lực xây dựng và phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai, nhằm mang đến cơ hội học tập chất lượng cao, gắn liền với nhu cầu phát triển của xã hội và cộng đồng quốc tế.

10.2. Danh hiệu tốt nghiệp, thời gian đào tạo và nơi cấp văn bằng

Văn bằng tốt nghiệp do Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

TT	Danh hiệu tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Tên văn bằng sau tốt nghiệp	
			Tiếng Việt	Tiếng Anh
1.	Cử nhân	4 năm	Cử nhân Nhật Bản học (CTĐT chất lượng cao)	The Degree of Bachelor in Japanese Studies (Honors Program)
2.	Cử nhân	4 năm	Cử nhân Khoa học và Kỹ thuật máy tính (CTĐT chất lượng cao)	The Degree of Bachelor in Computer Science and Engineering (Honors Program)
3.	Kỹ sư	4,5 năm	Kỹ sư Nông nghiệp Thông minh và bền vững (CTĐT chất lượng cao)	The Degree of Engineer in Smart Agriculture and Sustainability (Honors Program)
4.	Kỹ sư	4,5 năm	Kỹ sư Kỹ thuật cơ điện tử (<i>Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản</i>) (CTĐT chất lượng cao)	The Degree of Engineer in Mechatronics Engineering (Honors Program)
	Thạc sĩ	5,5 năm	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ điện tử	The Degree of Master in Mechatronics Engineering
5.	Kỹ sư	4,5 năm	Kỹ sư Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe (CTĐT chất lượng cao)	The Degree of Engineer in Food Technology and Health (Honors Program)
6.	Kỹ sư	4,5 năm	Kỹ sư Kỹ thuật Xây dựng	The Degree of Engineer in Civil Engineering
7.	Cử nhân	4 năm	Cử nhân Quốc tế học (<i>Đổi mới và Phát triển toàn cầu</i>)	The Degree of Bachelor in International Studies.
8.	Kỹ sư	4,5 năm	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (<i>Công nghệ Kỹ thuật Chip bán dẫn</i>) (CTĐT chất lượng cao)	The Degree of Engineer in Electrical and Electronic Engineering Technology (Honors Program)
9.	Cử nhân	4 năm	Cử nhân Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa (<i>Điều khiển thông minh và Tự động hóa</i>) (CTĐT chất lượng cao)	The Degree of Bachelor in Control Engineering and Automation (Honors Program)

10.3. Thông tin việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Việt Nhật bắt đầu tổ chức đào tạo đại học chính quy từ năm 2020. Năm 2024, sinh viên CTĐT Nhật Bản khóa đầu tiên tốt nghiệp. Năm 2025, sinh viên CTĐT Khoa học và Kỹ thuật máy tính khóa đầu tiên tốt nghiệp. Sinh viên ra trường đạt tỷ lệ 95% có việc làm trong vòng 6 tháng, hoặc học tiếp bậc cao hơn. Nhiều sinh viên

nhận được học bổng Thạc sĩ tại các trường đại học tại Nhật Bản và các nước tiên tiến khác.

Với vị thế và danh tiếng của Trường Đại học Việt Nhật - trường Đại học công lập được 2 Chính phủ Việt Nam và Nhật Bản thành lập nhằm đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao cho 2 quốc gia, khu vực và thế giới, dựa trên sự phối hợp chặt chẽ với các đại học đối tác Nhật Bản, các tổ chức, doanh nghiệp Nhật Bản. Trường kỳ vọng 100% sinh viên tốt nghiệp được giới thiệu việc làm trong vòng 06 tháng sau khi tốt nghiệp.

10.4. Thông tin về doanh nghiệp hợp tác đào tạo

Thông tin doanh nghiệp hợp tác đào tạo: <https://vju.ac.vn/collaboration-vn/enterprises-collaboration-vn/>

Thông tin về các trường đại học đồng điều phối các chương trình đào tạo từ phía Nhật Bản: <https://vju.ac.vn/collaboration-vn/coordinating-university-vn/>

Thông tin về các trường đại học đối tác: <https://vju.ac.vn/en/collaboration/global-education/#partners-jp>

<https://vju.ac.vn/career-design-week-2025/>

<https://vieclam.vju.ac.vn/>

10.5. Cơ hội việc làm với sinh viên Trường Đại học Việt Nhật.

10.5.1. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Nhật Bản học sẽ có cơ hội việc làm trong các lĩnh vực như:

- Làm việc trong các tổ chức, doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp Nhật Bản ở Việt Nam và ở Nhật Bản như biên phiên dịch, chuyên viên cầu nối, chuyên viên bộ phận pháp chế, chuyên viên bộ phận bán hàng, kinh doanh...

- Trở thành giảng viên CTĐT Nhật Bản học và Giảng dạy tiếng Nhật trong hệ thống các trường đại học, cao đẳng và các trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;

- Làm phóng viên, biên tập viên bình luận thời sự, chính trị tại các báo, đài trung ương và địa phương như các đài phát thanh truyền hình, các cơ quan báo chí, thông tấn, các Sở Văn hóa, Sở Khoa học - công nghệ...

- Công tác tư vấn, tham mưu liên quan đến Nhật Bản trong các cơ quan hoạch định và thực thi đường lối, chính sách ở Trung ương hay địa phương;

- Làm công tác ngoại giao tại Bộ Ngoại giao, Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam như Japan Foundation, Jasso...

- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ tại các trường đại học của Việt Nam, Nhật Bản và các nước khác trên thế giới.

10.5.2. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Khoa học và Kỹ thuật máy tính có thể đảm nhận những vị trí việc làm như sau:

- Làm chuyên gia phân tích dữ liệu, thử nghiệm phần mềm, phát triển web, phân tích hệ thống, phân tích tài chính, quản lý dự án về công nghệ thông tin, chuyên gia về

mạng, chuyên gia về phần mềm. ở nhiều công ty, tổ chức trong lĩnh vực liên quan tới Khoa học và Kỹ thuật máy tính ở Việt Nam và các quốc gia khác;

- Tiếp tục học thạc sĩ, tiến sĩ thuộc các chuyên ngành liên quan đến khoa học và kỹ thuật máy tính tại các trường đại học trong nước của Nhật Bản, của khu vực và trên thế giới.

10.5.3. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Nông nghiệp thông minh và Bền vững, có thể đảm nhận những vị trí việc làm như sau:

- Vị trí việc làm trong các cơ quan nhà nước cấp xã, huyện, tỉnh, trung ương: Cán bộ canh nông, chuyên gia, lập dự án đầu tư, quy hoạch, quản lý, giám sát và thanh tra nhà nước chuyên ngành tại các Phòng nông nghiệp huyện, tỉnh, các sở nông nghiệp và nông thôn, các cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Thương mại...

- Vị trí việc làm tại các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông sản và chuỗi cung ứng cho nông nghiệp: Cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý về giống, cây trồng, phát triển sản xuất, chế biến sau thu hoạch, chuỗi cung ứng, lập dự án, quản lý dự án, thẩm tra, thẩm định các dự án về nông nghiệp, xây dựng, thiết kế, thi công và điều khiển các hệ canh tác nhân tạo, kỹ thuật cao;

- Khởi nghiệp và các vị trí việc làm độc lập: Thành lập các doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc xây dựng các mô hình trang trại độc lập. Chuyên gia tư vấn cho các doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác;

- Tiếp tục học lên bậc thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong nước cũng như nước ngoài về lĩnh vực sinh học nông nghiệp, kỹ thuật nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, quản lý kinh tế, biến đổi khí hậu, thổ nhưỡng, cây trồng và các lĩnh vực liên ngành khác.

10.5.4. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Kỹ thuật Xây dựng có thể đảm nhận những vị trí việc làm như sau:

- Kỹ sư xây dựng, cán bộ kỹ thuật, cán bộ thi công, giám sát các công trình và quản lý dự án trong các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực Kỹ thuật Xây dựng;

- Cán bộ thẩm định, thanh tra, quản lý trong các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức trong lĩnh vực Kỹ thuật Xây dựng và kỹ thuật hạ tầng tại các tỉnh thành cũng như tại các tổ chức quốc tế;

- Chuyên gia tư vấn, giám sát, thanh tra, kiểm tra các dự án kỹ thuật hạ tầng; lập dự án đầu tư, quy hoạch, thiết kế, thi công và quản lý khai thác các công trình xây dựng.

- Cán bộ kỹ thuật, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực xây dựng và kỹ thuật hạ tầng trong môi trường trong nước và quốc tế;

- Tiếp tục học lên thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong nước cũng như nước ngoài về các lĩnh vực Kỹ thuật Xây dựng, kỹ thuật hạ tầng hoặc liên ngành.

10.5.5. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản có thể đảm nhận những vị trí việc làm như sau:

- Kỹ thuật viên, kỹ sư thiết kế, giám sát phục vụ chế tạo, thử nghiệm, kiểm chuẩn, đánh giá, phân tích, giải mã và phát triển các sản phẩm thuộc lĩnh vực cơ điện tử, cơ khí chính xác, robotics...

- Vị trí việc làm tại các đơn vị cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong việc chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng công nghiệp, nâng cấp, cải tạo các hệ thống cơ điện tử thông minh.

- Vị trí việc làm tại các đơn vị cung cấp các sản phẩm kỹ thuật công nghiệp, hệ thống sản xuất sử dụng các hệ thống cơ điện tử thông minh như: sản xuất, lắp ráp ô tô; sản xuất các linh kiện hàng không vũ trụ, điện, điện tử.

- Kỹ sư thiết kế, giám sát chế tạo và lắp đặt tại hiện trường, phân tích, đánh giá, thẩm định cho các dự án sử dụng hệ thống cơ điện tử thông minh.

- Nghiên cứu viên, cán bộ giảng dạy tại các trường cao đẳng, đại học, viện nghiên cứu.

- Tiếp tục học lên thạc sĩ, tiến sĩ tại các cơ sở đào tạo trong nước cũng như nước ngoài về lĩnh vực Cơ khí chính xác và hệ thống cơ điện tử thông minh.

10.5.6. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe có thể đảm nhận những vị trí việc làm như sau:

- Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe có đủ năng lực về chuyên môn và kỹ năng để đảm nhiệm các công việc tại các cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm;

- Vị trí việc làm tại các cơ quan quản lý trong và ngoài nhà nước về lĩnh vực thực phẩm và sức khỏe;

- Vị trí việc làm tại các cơ sở nghiên cứu, phòng thí nghiệm, trường đại học về lĩnh vực khoa học thực phẩm và sức khỏe; hoặc các doanh nghiệp khởi nghiệp do sinh viên xây dựng;

- Tiếp tục theo đuổi các chương trình đào tạo chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên môn, hoặc theo đuổi các chương trình đào tạo sau đại học tại các trường đại học có uy tín tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài.

10.5.7. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Đổi mới và Phát triển toàn cầu (Quốc tế học) có thể đảm nhiệm các công việc như:

- Làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Việt Nam, tham gia vào quá trình hoạch định chính sách và xây dựng các chương trình liên quan tới phát triển và đổi mới sáng tạo.

- Làm việc trong các cơ quan phát triển, các tổ chức quốc tế, đại sứ quán, các tổ chức phi chính phủ quốc tế như UNDP, JICA, World Bank, ADB..., tập đoàn quốc tế, doanh nghiệp xã hội, các tổ chức nghề nghiệp...

- Làm việc trong các bộ phận nghiên cứu & phát triển, đối ngoại, kinh doanh, truyền thông (gồm các báo, đài phát thanh và truyền hình), hành chính tổng hợp của các công ty, tập đoàn đa quốc gia, tư nhân...

- Làm việc trong các cơ sở giáo dục đào tạo, viện nghiên cứu, trung tâm phân tích chính sách, hoặc tổ chức phát triển...

- Tự khởi nghiệp trong các lĩnh vực như thương mại, dịch vụ, kinh doanh số, phát triển bền vững và các ngành nghề đổi mới sáng tạo khác...

- Tiếp tục học lên Thạc sĩ, Tiến sĩ trong các chuyên ngành liên quan đến phát triển và đổi mới toàn cầu tại các cơ sở giáo dục trong nước, khu vực và quốc tế.

10.5.8. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn là các kỹ sư có thể đảm nhận nhiều vị trí việc làm trong các lĩnh vực khác nhau như:

- Kỹ sư thiết kế vi mạch (VLSI Design Engineer) Thiết kế và phát triển các vi mạch tích hợp (ICs) cho các ứng dụng khác nhau, như điện thoại di động, máy tính, thiết bị điện tử tiêu dùng. Phân tích và tối ưu hóa thiết kế vi mạch để đạt hiệu suất cao nhất.

- Kỹ sư phát triển sản phẩm bán dẫn (Semiconductor Product Development Engineer), Phát triển và thử nghiệm các sản phẩm bán dẫn như Chip vi xử lý, bộ nhớ, cảm biến, và các thiết bị điện tử khác, Tối ưu hóa quy trình sản xuất bán dẫn để giảm thiểu chi phí và tăng hiệu quả sản xuất.

- Kỹ sư kiểm tra và chất lượng (Testing and Quality Engineer), Kiểm tra và đảm bảo chất lượng các vi mạch và sản phẩm bán dẫn. Thực hiện các kiểm tra vật lý, điện tử và môi trường để đảm bảo các sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng.

- Kỹ sư ứng dụng và hỗ trợ kỹ thuật (Application Engineer). Cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho khách hàng trong việc sử dụng các vi mạch và sản phẩm bán dẫn. Giới thiệu và tư vấn giải pháp kỹ thuật phù hợp cho các ứng dụng cụ thể.

- Kỹ sư sản xuất bán dẫn (Semiconductor Manufacturing Engineer). Quản lý và giám sát quá trình sản xuất các linh kiện bán dẫn. Đảm bảo quy trình sản xuất tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng và hiệu suất.

- Kỹ sư nghiên cứu và phát triển (R&D Engineer). Tiến hành nghiên cứu và phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực bán dẫn và vi mạch. Nghiên cứu các xu hướng công nghệ mới và phát triển các giải pháp đột phá cho ngành công nghiệp điện tử.

- Quản lý dự án kỹ thuật (Engineering Project Manager). Lãnh đạo và quản lý các dự án phát triển sản phẩm trong ngành công nghệ điện tử và bán dẫn. Điều phối giữa các nhóm kỹ thuật và đảm bảo tiến độ và chất lượng dự án.

- Có khả năng phát triển tại các đơn vị sản xuất, nghiên cứu ứng dụng R&D tại các doanh nghiệp hàng đầu trong và ngoài nước nhờ nền tảng về kỹ năng về ngoại ngữ và khả năng thích nghi nhanh chóng ở môi trường đa văn hóa.

10.5.9. Sinh viên tốt nghiệp CTĐT Điều khiển thông minh và Tự động hóa có thể đảm nhiệm các công việc như:

- Chuyên gia trong các lĩnh vực của ngành kỹ thuật điện, điện tử công suất, điều khiển tự động, thiết kế hệ thống, công nghệ robot, học máy, phân tích thiết kế hệ thống, xử lý tín hiệu, tự động hóa trong chuỗi cung ứng.

- Có thể trở thành nghiên cứu viên tại các viện, trung tâm nghiên cứu và phát triển; cán bộ giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề;

- Các vị trí kỹ thuật trong các lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa ứng dụng trong các lĩnh vực công nghiệp, sản xuất, kinh tế-xã hội ở các công ty, tổ chức ở Việt Nam, Nhật Bản và các quốc gia khác.

- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tiếp tục học lên bậc sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) thuộc các chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa tại các trường đại học trong nước, của Nhật Bản, của khu vực và trên thế giới.

10.6. Thông tin bổ sung về các chương trình đào tạo

10.6.1. Chương trình đào tạo thuộc khoa Khoa học xã hội liên ngành

Khoa Khoa học xã hội liên ngành hiện đang quản lý đào tạo 02 CTĐT đại học CTĐT Nhật Bản học và Đổi mới và phát triển toàn cầu và 04 CTĐT thạc sĩ, 01 CTĐT tiến sĩ, đóng góp vào sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực khoa học xã hội liên ngành phục vụ phát triển bền vững.

a) Chương trình đào tạo Nhật Bản học

Chương trình đào tạo cử nhân Nhật Bản học là chương trình đào tạo đại học đầu tiên Trường Đại học Việt Nhật lựa chọn xây dựng sau khi cân nhắc để phát huy thế mạnh của trường, khả năng cống hiến cho lĩnh vực đào tạo đại học của Việt Nam và đóng góp cho sự phát triển quan hệ hợp tác trên nhiều phương diện của hai nước Việt Nam và Nhật Bản trong thời đại mới.

Vì vậy, khác với các CTĐT Nhật Bản học hay Nghiên cứu Nhật Bản truyền thống khác, CTĐT Nhật Bản học của Trường Đại học Việt Nhật là chương trình Nhật bản học đương đại: được xây dựng trên cơ sở liên ngành giữa khoa học xã hội với khoa học tự nhiên và kết hợp trong các ngành khoa học xã hội nhân văn theo triết lý giáo dục khai phóng và khoa học bền vững, nhằm hướng đến mục tiêu đào tạo các chuyên gia Nhật Bản học vừa hiểu biết một cách toàn diện vừa nắm vững kiến thức chuyên sâu về một trong ba lĩnh vực: Luật và chính sách công, Kinh tế - Quản lý và Giảng dạy tiếng Nhật.

Những cử nhân người Việt với sự am hiểu về Nhật Bản được kỳ vọng sẽ trở thành các chuyên gia, cán bộ quản lý, nhà lãnh đạo, góp phần to lớn vào việc thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Nhật Bản trong thời gian tới. Ngược lại, quan hệ đối tác chiến lược sâu rộng vì hòa bình và phồn vinh ở Châu Á mà hai nước đang chung tay xây đắp chính là cơ sở bền vững cho sự phát triển của chương trình.

Tính ưu việt của CTĐT Nhật Bản học thể hiện qua các đặc điểm sau:

Triết lý giáo dục khai phóng và khoa học bền vững: Cung cấp nền tảng kiến thức rộng, bao gồm cả khoa học xã hội và khoa học tự nhiên., các kiến thức chuyên sâu về Nhật Bản; Khuyến khích sinh viên tự học, tự phát triển bản thân để có thể thích ứng với những biến đổi của xã hội trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0. Coi trọng bản sắc văn hóa của người học

Tính đương đại: Cung cấp kiến thức toàn diện về Nhật Bản đương đại cũng như những vấn đề toàn cầu đang được quan tâm hiện nay, nhất là những vấn đề liên quan đến sự phát triển bền vững của nhân loại.

Cơ hội du học Nhật Bản ngay tại Việt Nam: Ngoài các giảng viên phía Việt Nam, chương trình có sự hợp tác của giảng viên từ các trường đại học lớn của Nhật Bản. Sinh viên sẽ được tham gia nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi với sinh viên Nhật Bản.

Chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ: CTĐT được thiết kế với nhiều học phần tiếng Nhật và nhiều học phần giảng dạy bằng tiếng Nhật, nên sinh viên tốt nghiệp sẽ có trình độ tiếng Nhật cao, được trau dồi kiến thức trong môi trường học thuật quốc tế với sự tham gia của nhiều giảng viên và sinh viên quốc tế.

Phương pháp học tập hiện đại: Nhiều học phần trong CTĐT sử dụng phương pháp học tập tích cực (active learning). Dựa trên kinh nghiệm của các trường đại học Nhật Bản, các chương trình sẽ đưa hình thức seminar vào một số học phần để phát triển kỹ năng giao tiếp, thảo luận, làm việc nhóm và tăng cường sự tương tác giữa giảng viên với sinh viên và giữa sinh viên với sinh viên.

Tính thực tiễn cao: Nội dung của các học phần có tính thực tiễn cao, có sự tham gia giảng dạy của nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm đến từ các tổ chức, doanh nghiệp Nhật Bản và Việt Nam. Sinh viên sẽ có cơ hội tiếp xúc với các tổ chức, doanh nghiệp thông qua các chương trình thực tập, thực tế, trao đổi ngay từ năm nhất.

Cơ hội tiếp tục học tập tại Nhật Bản: Sinh viên có thể có cơ hội học tập tại các đại học uy tín của Nhật Bản như Đại học Waseda, Đại học Hosei, Đại học Yokohama, Đại học Tsukuba.. Đặc biệt từ năm 2025, Trường Đại học Việt Nhật đã ký kết thỏa thuận với Trường Đại học Waseda về đào tạo song bằng, sinh viên có thể chuyển tiếp học tập tại Trường Đại học Waseda để có thể lấy 2 bằng tốt nghiệp từ Trường Đại học Việt Nhật và Trường Đại học Waseda (thông tin chi tiết về chương trình song bằng tại Mục 10.6 dưới đây)

b) Chương trình đào tạo Đổi mới và Phát triển toàn cầu

Chương trình đào tạo cử nhân Đổi mới và Phát triển toàn cầu là chương trình đào tạo mới được mở năm 2025, nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao với nền tảng kiến thức liên ngành và đa ngành về các vấn đề toàn cầu, có tư duy hệ thống, tư duy phản biện, năng lực đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong phân tích và giải quyết các phát triển bền vững trong bối cảnh quan hệ quốc tế hiện đại; đồng thời có đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế, góp phần vào sự phát triển bền vững của Việt Nam và thế giới. Chương trình được giảng dạy bằng tiếng Anh.

Tính ưu việt của CTĐT Đổi mới và Phát triển toàn cầu thể hiện qua các đặc điểm sau:

Chương trình chuẩn quốc tế: Dựa trên mô hình đại học hàng đầu thế giới, điều chỉnh linh hoạt phù hợp với Việt Nam, chương trình trang bị tư duy phản biện, lãnh đạo và đổi mới sáng tạo để giải quyết thách thức toàn cầu đa văn hóa, liên ngành.

Môi trường học tập đa văn hóa, quốc tế: Giảng viên uy tín đến từ Nhật Bản và nhiều quốc gia; nhiều cơ hội trao đổi, du học ngắn hạn tại các trường đại học danh tiếng ở Nhật Bản và nước khác.

Liên kết doanh nghiệp và tổ chức quốc tế, mở rộng cơ hội nghề nghiệp: Sinh viên thực tập và tham gia dự án cùng doanh nghiệp Nhật Bản và quốc tế, xây dựng nền tảng vững chắc cho sự nghiệp tương lai.

Học bổng hấp dẫn và hỗ trợ tài chính: Học phí được hỗ trợ, nhiều suất học bổng cho sinh viên xuất sắc và cơ hội thực tập ngắn hạn tại Nhật Bản với chi phí tài trợ.

Cơ sở vật chất hiện đại, dịch vụ hỗ trợ toàn diện: Phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện đa ngôn ngữ hiện đại, kết hợp thực tế tại tổ chức quốc tế, doanh nghiệp hàng đầu (UNDP, AEON...); dịch vụ tư vấn học thuật, định hướng nghề nghiệp, ký túc xá và nhiều hoạt động ngoại khóa đa dạng.

Trường Đại học Việt Nhật và Đại học Khoa học xã hội ứng dụng Berlin (Evangelische Hochschule Berlin – EHB) chính thức ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác ngày 17/12/2025. Đây là sự kiện đánh dấu cột mốc quan trọng trong chiến lược quốc tế hóa giáo dục của VJU giai đoạn 2026 - 2030, đồng thời mở ra nhiều cơ hội trao đổi học thuật và giao lưu văn hóa dành cho sinh viên, học viên và giảng viên hai Trường.

Hai bên tập trung thúc đẩy hợp tác đào tạo và nghiên cứu, trước hết trong khuôn khổ chương trình cử nhân Đổi mới và Phát triển toàn cầu (BGDI) của VJU, gắn với chương trình cử nhân công tác xã hội tại EHB. Đồng thời, từng bước mở rộng hợp tác sang bậc thạc sĩ, đặc biệt là các chương trình thuộc khoa Khoa học xã hội liên ngành (FISS) của VJU, bao gồm Lãnh đạo toàn cầu, Chính sách công, Quản trị kinh doanh và Khu vực học.

10.6.2. Các chương trình đào tạo thuộc khoa Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến.

Khoa Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến hiện đang quản lý 12 CTĐT trong đó có 05 CTĐT đại học chất lượng cao, 01 CTĐT chuẩn bậc đại học, 01 CTĐT kết hợp đại học – thạc sĩ, 04 CTĐT thạc sĩ và dự kiến sẽ mở thêm 01 Chương trình tiến sĩ trong năm 2026, đóng góp vào sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực công nghệ và kỹ thuật tiên tiến phục vụ phát triển bền vững trên cơ sở phát huy các thế mạnh của Việt Nam và Nhật Bản.

a) Chương trình đào tạo Khoa học và Kỹ thuật máy tính.

Khác với các CTĐT trong khối ngành Máy tính và Khoa học thông tin, CTĐT Khoa học và Kỹ thuật máy tính của Trường Đại học Việt Nhật là chương trình đào tạo khai phóng, toàn diện: được xây dựng trên cơ sở liên ngành giữa khoa học máy tính với kỹ thuật máy tính và kết hợp với các kiến thức chung và cần thiết cho thế kỷ 21 nhằm hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực khoa học và kỹ thuật máy tính có trình độ cao và có năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước, Nhật Bản và các nước trên thế giới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0.

b) Chương trình đào tạo Kỹ thuật Xây dựng.

Kỹ thuật Xây dựng là CTĐT thứ ba do Trường Đại học Việt Nhật lựa chọn để mở ngành sau khi cân nhắc về các cách thức phát huy thế mạnh của trường, khả năng cống hiến cho lĩnh vực đào tạo đại học của Việt Nam và đóng góp cho sự phát triển quan hệ hợp tác trên nhiều phương diện của hai nước Việt Nam và Nhật Bản trong thời đại mới. Chương trình được mở với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Đại học Tokyo, Nhật Bản.

Khác với nhiều CTĐT khác trong khối Kỹ thuật Xây dựng, CTĐT ngành Kỹ thuật Xây dựng của Trường Đại học Việt Nhật đã được xây dựng trên cơ sở liên ngành giữa các chuyên ngành Quản lý dự án xây dựng, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Tin học xây dựng và Công trình giao thông và đô thị. Cùng với đó là sự kết hợp với các kiến thức chung và cần thiết cho thế kỷ 21 nhằm hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực cho xây dựng trong nước và nước ngoài có trình độ cao và có năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước, Nhật Bản và các nước trên thế giới trong thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0.

Từ năm 2024, Trường Đại học Việt Nhật điều chỉnh chương trình này sang hệ chuẩn nhằm tái cơ cấu quy mô ngành đào tạo; phân tầng chương trình đáp ứng nhu cầu và khả năng của người học. Chương trình chuẩn có khối lượng học phần ít hơn so với chương trình chất lượng cao và do đó có mức học phí phù hợp với đa số người học.

c) Chương trình đào tạo Nông nghiệp thông minh và Bền vững.

Nông nghiệp thông minh và Bền vững là CTĐT đại học thứ 4 được Trường Đại học Việt Nhật lựa chọn mở ngành với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Đại học Tokyo, Nhật Bản. Nông nghiệp là một lĩnh vực kinh tế quan trọng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam và Nhật Bản, là một trong những trụ cột hợp tác chính giữa hai quốc gia. Tuy là cội nguồn của văn hóa Việt Nam, có vai trò then chốt trong an ninh lương thực quốc gia và toàn cầu, lĩnh vực này đang đứng trước nhiều thách thức về biến đổi khí hậu, khủng hoảng vì thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao và thiếu tính kết nối với các lĩnh vực khoa học và công nghệ tiên tiến trong xã hội.

Do vậy, CTĐT trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng vững chắc về khoa học nông nghiệp, các tri thức liên ngành về khoa học cây trồng và giúp sinh viên sở hữu năng lực áp dụng công nghệ số vào chuỗi sản xuất nông nghiệp theo 03 định hướng chuyên sâu về Nông nghiệp sinh thái; Nông nghiệp tiên tiến Nhật Bản ứng dụng công nghệ số 4.0; Quản trị doanh nghiệp nông nghiệp nhằm đảm bảo phát triển nền nông nghiệp hài hòa với các giá trị sinh thái và nhân văn.

Từ năm 2024, Trường hợp tác với Đại học Kochi, Nhật Bản trong việc gửi sinh viên sang thực tập hàng năm và mở rộng cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp.

d) Chương trình đào tạo kỹ sư kết hợp thạc sĩ Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản).

Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản là CTĐT thứ năm do Trường Đại học Việt Nhật lựa chọn để mở ngành sau khi cân nhắc về các thế mạnh của trường, tiềm năng phát triển của ngành trong đào tạo đại học ở Việt Nam và đóng góp cho sự hợp tác về khoa học kỹ thuật của hai nước Việt Nam và Nhật Bản trong thời đại mới. Đây cũng là CTĐT kết hợp kỹ sư và thạc sĩ đầu tiên của Trường Đại học Việt Nhật được xây dựng với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Đại học Osaka, Nhật Bản.

CTĐT cung cấp cho người học các kiến thức về toán học và khoa học cơ bản nhằm đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức nhóm ngành và ngành về kỹ thuật hệ thống cơ điện tử và cơ khí chính xác. Đặc biệt trong CTĐT này, sinh viên được trang bị các kiến thức về công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực cơ điện tử, sản xuất cơ khí chính xác và kỹ thuật vật liệu của Nhật Bản. Triết lý “Monozukuri” – sản xuất theo phương thức Nhật

Bản được áp dụng triệt để, xuyên suốt chương trình giúp sinh viên có thể thích ứng được với môi trường làm việc đa dạng về công nghệ và kỹ thuật, phát triển các kỹ năng tổ chức, quản lý sản xuất khoa học kiểu Nhật Bản.

e) Chương trình đào tạo Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe

Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe là CTĐT thứ sáu được Trường Đại học Việt Nhật lựa chọn mở ngành với sự hỗ trợ kỹ thuật từ Đại học Tokyo, Nhật Bản. Ngành thực phẩm và đồ uống tại Việt Nam là một trong những ngành năng động nhất và có tốc độ phát triển nhanh nhất. Đây là ngành có đóng góp đáng kể cho nền kinh tế và chiếm một phần lớn trong tổng sản phẩm quốc nội của đất nước.

Chương trình kỹ sư chất lượng cao Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe được mở ra với mục tiêu đào tạo một nguồn nhân lực chất lượng cao cho nền công nghiệp thực phẩm trong tương lai. CTĐT cung cấp cho người học kiến thức nền vững chắc về khoa học thực phẩm, sinh học, dinh dưỡng học, y sinh học ứng dụng và kỹ năng chuyên môn vững vàng về công nghệ chế biến và bảo quản thực phẩm, an toàn thực phẩm và sức khỏe, đồng thời truyền tải tới học viên sự đam mê đối với việc xây dựng một nền công nghiệp thực phẩm quốc gia an toàn bền vững.

f. Chương trình đào tạo Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn

Chương trình đào tạo kỹ thuật công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn được mở mới năm 2025 nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thế hệ tri thức toàn diện có tinh thần phục vụ nhân dân, có năng lực đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế số, chuyển đổi số trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam;

Đào tạo những kỹ sư có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, trung thành với tổ quốc; có kiến thức cơ sở và chuyên môn vững vàng; có trình độ chuyên môn sâu về lĩnh vực điện-điện tử, công nghệ bán dẫn, thiết kế vi mạch trong bối cảnh kỷ nguyên số và công nghiệp hóa; có kiến thức cập nhật và am hiểu về kỹ thuật và công nghệ bán dẫn ứng dụng trong ngành công nghiệp bán dẫn; có khả năng phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ kỹ sư.

Đa dạng hóa mô hình đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN). Trang bị cho người học khả năng vận dụng tốt các kiến thức lý thuyết chuyên sâu, thực hành nghề trong phòng thí nghiệm và thực tập tại doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục tại Nhật Bản nhằm nâng cao chỉ số quốc tế hóa các hoạt động của ĐHQGHN.

g. Chương trình đào tạo Điều khiển thông minh và tự động hóa

Chương trình đào tạo Điều khiển thông minh và tự động hóa được mở mới năm 2025 với mục tiêu chung của chương trình là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có kiến thức từ cơ bản đến chuyên ngành hiện đại và thực tiễn của lĩnh vực kỹ thuật điều khiển, tự động hóa tích hợp trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn dựa trên nền tảng giáo dục khai phóng và khả năng học tập suốt đời, có năng lực cạnh tranh trên thị trường lao động trong nước, trên thế giới và đặc biệt là Nhật Bản.

- Tính ưu việt của các CTĐT thuộc Khoa Công nghệ và kỹ thuật tiên tiến:

Triết lý giáo dục khai phóng: Cung cấp nền tảng kiến thức rộng, bao gồm cả khoa học xã hội và khoa học tự nhiên, kiến thức chuyên sâu về ngành đào tạo; Khuyến khích

sinh viên tự học, tự phát triển bản thân để có thể thích ứng với những biến đổi của xã hội trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0 và xã hội 5.0.

Tính ứng dụng: Cung cấp cho sinh viên khả năng phát triển và sáng tạo các ý tưởng nghiên cứu trong các lĩnh vực liên ngành và phát triển được các mô hình và giải pháp ứng dụng theo hướng chuyên sâu của ngành đào tạo nhằm đạt được mục tiêu của bài toán đặt ra.

Cơ hội du học Nhật Bản ngay tại Việt Nam: Ngoài các giảng viên phía Việt Nam, Các chương trình có sự hợp tác của giảng viên từ các trường đại học lớn của Nhật Bản. Sinh viên sẽ được tham gia nhiều hoạt động giao lưu, trao đổi với sinh viên Nhật Bản.

Chú trọng bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ: Các CTĐT được thiết kế với nhiều học phần giảng dạy bằng tiếng Anh nên sinh viên tốt nghiệp sẽ có trình độ tiếng Anh tương đương với B2, bậc 4 trong thang 6 bậc Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Ngoài ra sinh viên được học tiếng Nhật cơ bản và có thể đăng ký học tiếng Nhật nâng cao theo nhu cầu.

Phương pháp học tập hiện đại: Nhiều học phần trong CTĐT sử dụng phương pháp học tập tích cực (active learning). Dựa trên kinh nghiệm của các trường đại học Nhật Bản, các chương trình sẽ đưa hình thức seminar vào một số học phần để phát triển kỹ năng giao tiếp, thảo luận, làm việc nhóm và tăng cường sự tương tác giữa giảng viên với sinh viên và giữa sinh viên với sinh viên.

Tính thực tiễn cao: Nội dung của các học phần có tính thực tiễn cao, có sự tham gia giảng dạy của nhiều chuyên gia giàu kinh nghiệm đến từ các tổ chức, doanh nghiệp Nhật Bản và Việt Nam. Sinh viên sẽ có cơ hội tiếp xúc với các tổ chức, doanh nghiệp thông qua các chương trình thực tập thực tế.

Cơ hội học tập tại Nhật Bản: Sinh viên có thể có cơ hội thực tập, trao đổi và học tập tại các trường đại học và doanh nghiệp tại Nhật Bản.

10.7. Chương trình đào tạo song bằng

Khẳng định được chất lượng đào tạo của mình với các tổ chức, doanh nghiệp và Đại học đối tác Nhật Bản, trường ĐH Việt Nhật và Đại học Waseda đã triển khai chương trình đào tạo song bằng giữa 2 trường Đại học. Sinh viên tham gia chương trình này sẽ học 2 năm tại trường ĐH Việt Nhật và 2 năm tại Đại học Waseda Nhật Bản. Khi tốt nghiệp, sinh viên được nhận hai bằng của trường ĐH Việt Nhật, ĐHQGHN và Đại học Waseda.

Trong thời gian học tập 2 năm cuối tại ĐH Waseda, sinh viên chỉ phải đóng học phí như các sinh viên học tại Việt Nam. Sinh viên xuất sắc sẽ được xem xét cấp học bổng trong 2 năm cuối từ các nguồn học bổng của ĐH Waseda.

Chương trình này dành cho các sinh viên có thành tích học tập xuất sắc và khả năng tiếng Nhật hoặc tiếng Anh tốt. Sinh viên được học tập tại một trong những trường Đại học tốt nhất thế giới và có cơ hội trải nghiệm văn hóa Nhật Bản, một trong những nền văn hóa phong phú và đa dạng nhất thế giới. Việc sống và học tập tại Nhật Bản không chỉ giúp sinh viên phát triển kỹ năng mềm mà còn mở rộng tầm nhìn và hiểu biết về thế giới, mà còn được tiếp cận với hệ thống giáo dục tiên tiến và cơ sở vật chất hiện

đại. Môi trường học tập đa văn hóa tại Waseda cũng tạo điều kiện cho sinh viên tương tác và học hỏi từ bạn bè quốc tế, từ đó xây dựng mạng lưới quan hệ rộng rãi và vững chắc cho tương lai.

Thông qua thỏa thuận liên kết đào tạo cấp bằng kép, cả trường ĐH Việt Nhật và ĐH Waseda mong muốn thể hiện cam kết thúc đẩy hoạt động học thuật xuất sắc và nuôi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao – đóng vai trò cầu nối giữa Việt Nam, Nhật Bản và toàn cầu.

Trường Đại học Việt Nhật vẫn tiếp tục phát triển các chương trình đào tạo song bằng với các đối tác khác, đặc biệt là các đối tác thuộc Liên minh các Trường đại học Nhật Bản hợp tác với Trường (VJU Consortium).

11. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
1	VJU1	Nhật Bản học	7310613	Khoa học xã hội và hành vi	- Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy định của Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT.	120	152	21	120	175	22
2	VJU2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	7480204	Máy tính và công nghệ thông tin	- Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù và hướng dẫn tuyển sinh của ĐHQGHN.	150	130	20.75	150	147	20.75
3	VJU3	Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản *	7520114	Kỹ thuật	- Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.	55	57	20	55	50	20.5
4	VJU4	Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe	7540118QTD	Sản xuất và chế biến	- Xét tuyển kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức.	55	67	20	55	41	20
5	VJU5	Nông nghiệp thông minh và Bền vững	7620122QTD	Nông lâm nghiệp và thủy sản	- Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025.	20	18	20	20	10	20
6	VJU6	Kỹ thuật Xây dựng	7580201	Kiến trúc và xây dựng	- Xét tuyển kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ).	50	76	20	50	69	20

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2025		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét
7	VJU 7	Đổi mới và Phát triển toàn cầu	7310601	Khoa học xã hội và hành vi	- Xét hồ sơ năng lực (đánh giá hồ sơ và phỏng vấn).	Chưa tuyển sinh			100	73	20.5
8	VJU 8	Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn	7510301	Công nghệ kỹ thuật		Chưa tuyển sinh			100	106	21
9	VJU 9	Điều khiển thông minh và Tự động hóa	7520216	Kỹ thuật		Chưa tuyển sinh			100	93	20

Công khai thông tin về tuyển sinh đại học các năm tại link: <https://vju.ac.vn/tuyensinhdaihoc/de-an-tuyen-sinh/>

Cán bộ tuyển sinh

Nguyễn Minh Phương

SĐT: 0982900488. Email: nm.phuong@vju.ac.vn

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Oanh

PHỤ LỤC I

1. Bảng quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ sang thang điểm 10.

STT	Trình độ ngoại ngữ				Quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế sang thang điểm 10
	IELTS (Academic)	TOEFL iBT	Vstep 3-5	JLPT	
Đơn vị cấp chứng chỉ	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)	Educational Testing Service (ETS)	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)	
1	5.5	72 - 78	6.0	-	8.0
2	6.0	79 - 87	7.0	-	8.5
3	6.5	88 - 95	7.5 – 8.0	N3	9.0
4	7.0	96 - 101	8.5	N2	9.5
5	7.5-9.0	102 -120	9.0 - 10	N1	10

- Chứng chỉ ngoại ngữ phải đủ 4 kỹ năng, đối với chứng chỉ JLPT (tiếng Nhật) có 3 kỹ năng.

- Chứng chỉ ngoại ngữ: Còn thời hạn sử dụng trong vòng 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

- Không chấp nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./.

2. Điều kiện đảm bảo chất lượng ngoại ngữ đối với các chương trình đào tạo chất lượng cao tại Trường Đại học Việt Nhật năm 2026.

Stt	Chứng chỉ ngoại ngữ (*)	Yêu cầu tối thiểu
1.	JLPT	N3
2.	NAT-TEST	3Q
3.	IELTS (Academic)	4.5
4.	TOEFL iBT	50
5.	TOEFL ITP	475
6.	Aptis ESOL	125
7.	Cambridge	- B1 Preliminary 130; - B1 Business Preliminary 130; - B1 Linguaskill 130.
8.	Pearson English International Certificate (PEIC)	23

Stt	Chứng chỉ ngoại ngữ (*)	Yêu cầu tối thiểu
9.	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	50
10.	KNLNN VN	4.5
11.	TOEIC	Nghe: 280-340; Đọc: 280-330; Nói: 125-135; Viết: 125-130.

(): Chứng chỉ ngoại ngữ: Còn thời hạn sử dụng trong vòng 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển.*

- Chỉ chấp nhận chứng chỉ Aptis ESOL và KNLNN VN được cấp bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ GD&ĐT cấp phép và theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC II

Danh sách môn thi đoạt giải trong các kỳ thi dùng để xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển vào các chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy của Trường Đại học Việt Nhật năm 2026

TT	Chương trình đào tạo	Môn thi
1.	● Nhật Bản học (7310613)	Ngữ văn
2.		Lịch sử
3.		Địa lý
4.		Tiếng Anh
5.		Tiếng Nhật
6.	● Khoa học và Kỹ thuật máy tính (7480204); ● Kỹ thuật Xây dựng (7580201); ● Điều khiển thông minh và Tự động hóa (7520216)	Toán học
7.		Vật lý
8.		Hóa học
9.		Tin học
10.	● Cơ điện tử thông minh và Sản xuất theo phương thức Nhật Bản (7520114)	Toán
11.		Vật lý
12.	● Công nghệ thực phẩm và Sức khỏe (7540118QTD); ● Nông nghiệp thông minh và Bền vững (7620122QTD)	Toán học
13.		Vật lý
14.		Hóa học
15.		Sinh học
16.	● Công nghệ kỹ thuật Chip bán dẫn (7510301)	Toán học
17.		Vật lý
18.		Hóa học
19.		Tin học
20.	● Đổi mới và Phát triển toàn cầu (7310601)	Toán học
21.		Vật lý
22.		Hóa học
23.		Ngữ văn
24.		Lịch sử
25.		Địa lý
26.		Tiếng Anh

PHỤ LỤC III

Danh mục hồ sơ xét tuyển theo từng phương thức của Trường Đại học Việt Nhật
(Thí sinh đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến tại <https://tuyensinh.vju.ac.vn/>)

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
I. Các loại hồ sơ chung				
1	Đăng ký xét tuyển ĐHCĐ năm 2026 trực tuyến	01	Bản	Bắt buộc
2	Bản chụp Căn cước (<i>hai mặt</i>)	01	Bản	
3	Lệ phí xét tuyển	- Xét phỏng vấn, đánh giá thí sinh: 580,000 đ/TS/CTĐT/lần đăng ký. - Các phương thức khác: 30,000 đ/TS/CTĐT		
4	Học bạ/bảng điểm kết quả học tập bậc THPT	01	Bộ	Nộp đầy đủ kết quả học tập của 6 học kỳ bậc THPT (lớp 10, 11, 12). Thí sinh có thể nộp bổ sung kết quả học kỳ 2 lớp 12 sau
5	Bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm bản dịch tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực	01	Bộ	Bắt buộc với thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp chương trình THPT (hoặc tương đương) do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phép
6	Kết quả quá trình học tập do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm bản dịch tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực	01	Bộ	
7	Chứng chỉ tiếng Việt dùng cho người nước ngoài của các cơ sở đào tạo cấp do Bộ GD&ĐT cấp phép	01	Bộ	Bắt buộc với thí sinh dự tuyển là người nước ngoài
II. Các loại hồ sơ khác				
II.1. Đối với phương thức xét phỏng vấn, đánh giá thí sinh				
8	Chứng chỉ ngoại ngữ *	01	Bộ	Nếu có
9	Bằng khen/thành tích bậc THPT	01	Bộ	Nếu có
II.2. Đối với phương thức xét tuyển kết quả thi HSA cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức				
10	Chứng nhận kết quả của kỳ thi (HSA)*	01	Bản	Bắt buộc

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
11	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của Bộ GD&ĐT*	01	Bản	Bắt buộc (nếu không đáp ứng điều kiện ngoại ngữ về học bạ)
<i>II.3. Đối với phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển</i>				
12	Giấy chứng nhận giải thưởng kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/quốc gia/quốc tế *	01	Bản	Bắt buộc
13	Giấy chứng nhận giải thưởng Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia/quốc tế*	01	Bản	Bắt buộc
14	Quyết định cử tham dự kỳ thi/cuộc thi của Bộ GD&ĐT hoặc các Sở GD&ĐT địa phương	01	Bản	Bắt buộc
15	Nội dung đề tài đạt giải	01	Bản	Bắt buộc với thí sinh đạt giải thưởng tại cuộc thi khoa học, kỹ thuật
16	Chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của Bộ GD&ĐT*	01	Bản	Bắt buộc (nếu không đáp ứng điều kiện ngoại ngữ về học bạ)
<i>II.4. Đối với phương thức xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ kết hợp điểm thi bậc THPT năm 2026</i>				
17	Chứng chỉ ngoại ngữ	01	Bản	Bắt buộc
<i>II.5. Đối với phương thức xét tuyển kết quả trong các kỳ thi chuẩn hóa (SAT)</i>				
18	Kết quả SAT*	01	Bản	Bắt buộc. Thí sinh gửi bản photo kết quả và yêu cầu các Trung tâm Khảo thí gửi kết quả SAT của thí sinh về Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN (theo mã đăng ký của ĐHQGHN)

(*): Chứng chỉ, chứng nhận: Còn thời hạn sử dụng trong vòng 02 năm tính đến thời điểm xét tuyển. Chứng nhận giải thưởng các cuộc thi khoa học, kỹ thuật hoặc kỳ thi HSG có thời hạn trong vòng 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển.

Các văn bằng, chứng chỉ, minh chức... là bản chụp/ file JPG nộp trực tuyến khi đăng ký.

PHỤ LỤC IV
KHU VỰC ƯU TIÊN

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC V
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.
06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dựợc đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.